TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH H** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 119 /2018/QĐST – HNGĐ.	*Mỹ Hào, ngày 14 tháng 11 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2018 /TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Đức T – SN: 1986

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T – SN: 1991

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Phạm Minh Đ – SN: 21/11/2016

Đều địa chỉ: Số nhà 76 Phố B – Thị trấn B – huyện M – tỉnh H

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Đ: Chị Nguyễn Thị T – SN: 1991

Địa chỉ: Số nhà 76 Phố B – Thị trấn B – huyện M – tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phạm Đức T – SN: 1986

Chị Nguyễn Thị T – SN: 1991

Đều địa chỉ: Số nhà 76 Phố B – Thị trấn B – huyện M – tỉnh H

2/- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức T và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng sinh được 01 con chung là Phạm Minh Đ – SN: 21/11/2016. Anh chị thỏa thuận giao cháu Đ cho chị T nuôi

dưỡng, chăm sóc đến khi cháu thành niên. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị T là người đại diện theo pháp luật cho cháu Đ đến khi cháu thành niên.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản, nợ, **công sức, ruộng nông nghiệp**: Anh T và chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số 013306 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Trả lại anh T số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Anh Tâm đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3/- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND huyện M
- Chi cục T.H.A DS huyện M
- UBND TT B
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Nam Thắng